

Số: /YTNH

Đông Ninh Hòa, ngày tháng 7 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Khánh Hòa.

Tên cơ sở công bố: **TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NINH HÒA**

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 00018/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Khánh Hòa cấp ngày 04/08/2025.

Địa chỉ: Tổ dân phố Ninh Diêm 2, phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI Đỗ Hữu Dũng

Điện thoại liên hệ: 0258.3672.171, Email: *trungtamytinh2011@gmail.com*

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ, kỹ thuật viên xét nghiệm, dược (*Danh mục kèm theo-Phụ lục I*)

2. Trình độ đào tạo thực hành: Cao đẳng (*Danh mục kèm theo-Phụ lục I*)

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (*Danh mục kèm theo-Phụ lục I*)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục II*).

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục II*)

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục III*).

Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế Khánh Hòa xem xét, đăng tải thông tin theo quy định. Bản công bố này thay thế cho Bản công bố số 1084/YTNH ngày 03/12/2018 của Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tiến Khoa

Phụ lục I - Bảng 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ sở	- Nhu cầu cơ bản của con người - Các kỹ năng chăm sóc Điều dưỡng - Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh - Phát triển Thực hành Điều dưỡng - Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh - Chăm sóc tiêu hóa - bài tiết cho người bệnh - Năng lực cấp cứu của người Điều dưỡng	- Khoa Nội; - Khoa Nhi; - Khoa Ngoại; - Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc;	18	270	230	690	0	270

				Chăm sóc người bệnh Nội khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Nội	6	90	70	210	0	90
				Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Ngoại	4	60	37	111	0	60
				Chăm sóc người bệnh cấp cứu và tích cực	- Thực hành Chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch; - Thực hành Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: ngộ độc. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực&Chống độc.	4	60	17	51	0	51
				Chăm sóc sức khỏe Nhi khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh lĩnh vực Nhi khoa. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Nhi	4	60	30	90	0	60
				Chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực Truyền nhiễm. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Truyền nhiễm	3	45	16	48	0	45

				Chăm sóc người bệnh Sản phụ khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực Sản phụ khoa. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75
				Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh các chuyên khoa: Mắt, TMH, RHM. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Răng hàm mặt-Mắt-Tai mũi họng	3	45	35	105	0	45
				Y học cổ truyền	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh lĩnh vực Nhi khoa Y học cổ truyền. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	3	45	0	0	0	45
				Thực tập điều dưỡng bệnh viện	Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của khoa, Trung tâm Y tế.	- Khoa Nội; - Khoa Nhi; - Khoa Ngoại; - Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực& Chống độc.	18	270	230	690	0	270

Phụ lục I - Bảng 2
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
CAO ĐẲNG HỘ SINH

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.	- Khoa Nội; - Khoa Nhi; - Khoa Ngoại; - Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc; - Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.	20	300	179	537	0	300
				Chăm sóc người bệnh Nội khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Nội.	7	105	70	210	0	105

				Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa	- Thực hành Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Ngoại	4	60	37	111	0	60
				Chăm sóc người bệnh cấp cứu và tích cực	- Thực hành Chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch; - Thực hành Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: ngộ độc. - Tham gia trực tại khoa.	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc.	4	60	17	51	0	51
				Chăm sóc sơ sinh	- Thực tập các kỹ thuật Chăm sóc sơ sinh	- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản; - Khoa Nhi.	5	75	30	90	0	75

				LS chăm sóc sức khỏe phụ nữ và thai nghén	- Sắp xếp trang thiết bị phòng khám, phòng thủ thuật. - Thực hiện vô khuẩn dụng cụ. - Đặt mỏ vịt - Lấy mẫu làm xét nghiệm soi tươi, tế bào âm đạo. - Khám phát hiện các bệnh thường gặp. - Khám phát hiện thai nghén bình thường và bất thường. - Tư vấn sức khỏe phụ nữ trong thai kỳ. - Tư vấn thai phụ có hoàn cảnh đặc biệt - thai bất thường.	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75
				LS Chăm sóc chuyển dạ đẻ thường- đẻ khó	- Tư vấn thai phụ mắc bệnh trong thời kỳ chuyển dạ, sinh đẻ. - Khám và chẩn đoán các bệnh lý thường gặp cho thai phụ. - Theo dõi và chăm sóc thai phụ mắc bệnh trong chuyển dạ. - Đo CTG và nhận	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75

					xét. - Hỗ trợ đẻ thường khi thai phụ chuyển dạ, sinh đẻ và sau đẻ. - Lập kế hoạch chăm sóc							
				Chăm sóc sau đẻ	- Theo dõi và chăm sóc sản phụ sau sinh. - Làm thuốc cho trẻ sơ sinh. - Tắm cho trẻ sơ sinh. - Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ. - Lập kế hoạch chăm sóc sản phụ sau sinh.	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75
				DSKHH GD-Phá thai an toàn	- Chuẩn bị - phụ giúp BS thực hiện kỹ thuật đặt/tháo dụng cụ tử cung, kỹ thuật hút thai. - Tư vấn các biện pháp tránh thai và phá thai nội khoa. - Theo dõi khách hàng sau thực hiện các thủ thuật. - Thực hiện vô khuẩn dụng cụ.	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75

				Bệnh lý liên quan đến thai nghén - Khám-phát hiện các bệnh lý mạn tính và bệnh lý thường gặp cho thai phụ. - Tư vấn-giáo dục sức khỏe cho những thai phụ mắc bệnh mãn tính.	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75
				LS Chăm sóc phẫu thuật sản phụ khoa Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân trước và sau khi phẫu thuật.	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5	75	25	75	0	75

Phụ lục I - Bảng 3
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
CAO ĐẲNG Y SĨ ĐA KHOA

St t	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720101	Cao đẳng	Y sĩ	Lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	Thực tập các kỹ thuật lâm sàng Điều dưỡng.	- Khoa Nội; - Khoa Nhi; - Khoa Ngoại; - Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc;	18	270	230	690	0	270
				Lâm sàng Cấp cứu	- Khám và theo dõi điều trị một số bệnh lĩnh vực cấp cứu. - Làm bệnh án cấp cứu. - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh về bệnh cấp cứu.	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc	4	60	17	51	0	51

				Lâm sàng Ngoại khoa - Khám và theo dõi điều trị một số bệnh lĩnh vực ngoại khoa. - Làm bệnh án ngoại khoa. - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh về bệnh ngoại khoa.	Khoa Ngoại	4	60	37	111	0	60
				Lâm sàng Nội khoa - Khám và phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và xử trí người bệnh về lĩnh vực Nội khoa. - Làm bệnh án nội khoa. - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh về bệnh nội khoa	Khoa Nội	5	75	70	210	0	75
				- Khám và phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và xử trí người bệnh về lĩnh vực bệnh Truyền nhiễm - Làm bệnh án. - Giáo dục sức khỏe cho người	Khoa Truyền nhiễm	3	45	16	48	0	45

					bệnh và người nhà người bệnh về bệnh truyền nhiễm							
				Lâm sàng Nhi khoa	- Khám và phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh lĩnh vực nhi khoa. - Làm hồ sơ bệnh án nhi khoa. - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh về bệnh nhi khoa.	Khoa Nhi	3	45	30	90	0	45
				Lâm sàng Sản khoa	- Khám, theo dõi và chăm sóc người bệnh về lĩnh vực sản phụ khoa. - Thực tập thủ thuật đỡ đẻ. - Làm bệnh án sản phụ khoa. - Giáo dục sức khỏe cho sản phụ và người nhà	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	2	30	25	75	0	30

				Lâm sàng bệnh chuyên khoa - Khám và theo dõi điều trị một số bệnh lĩnh vực bệnh chuyên khoa. - Làm bệnh án bệnh chuyên khoa. - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh về bệnh chuyên khoa.	Khoa Răng hàm mặt-Mắt-Tai mũi họng	3	45	35	105	0	45
				Lâm sàng Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng - Xác định các huyết. - Chuẩn bị dụng cụ và thủ thuật châm cứu trên người bệnh. - Xoa bóp, bấm huyết điều trị các bệnh thông thường (đau lưng cấp, đau vai gáy, đau đầu, liệt nửa người, đau thần kinh tọa ...). - Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình của họ. - Làm bệnh án Y học cổ truyền.	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	2	30	0	0	0	30

Phụ lục I - Bảng 4
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

St t	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Điều dưỡng cơ sở	- Thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.	- Khoa Nội; - Khoa Nhi; - Khoa Ngoại; - Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc.	16	240	154	462	0	240

				Thực hành Huyết học	Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản nhuộm Kỹ thuật đếm số lượng hc, tc, bc bằng máy xét nghiệm huyết học tự động Kỹ thuật đo tốc độ lắng máu Kỹ thuật làm các xét nghiệm thời gian máu chảy máu đông, co cục máu Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO Kỹ thuật thử phản ứng chéo	Khoa Xét nghiệm	5	75	0	0	0	75
				Thực hành Vi sinh- Ký sinh trùng	Giao tiếp bệnh nhân, ghi chép phiếu xét nghiệm, sổ sách, tiếp nhận, bảo quản bệnh phẩm và quan sát sử dụng bảo quản máy móc. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm Kỹ thuật xét nghiệm phân, dịch âm đạo, da, tóc, móng soi tươi tìm đơn bào gây bệnh Kỹ thuật làm tiêu bản nhuộm giem sa tìm kst sốt rét Kỹ thuật nhuộm Gram	Khoa Xét nghiệm	5	75	0	0	0	75
				Thực hành Hóa sinh	Kỹ thuật định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng Albumin trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng	Khoa Xét nghiệm	5	75	0	0	0	75

				Glucose trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng Cholesterol trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng Lipid trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng Creatinin trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng Amylase trong huyết thanh Phản ứng Rivalta Kỹ thuật định lượng Ure trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng CK trong huyết thanh Kỹ thuật định lượng CK- MB trong huyết thanh Kỹ thuật đo hoạt độ AST trong huyết thanh Kỹ thuật đo hoạt độ ALT trong huyết thanh Kỹ thuật đo hoạt độ GGT trong huyết thanh Kỹ thuật điện giải đồ Na/K/Cl trong máu Kỹ thuật định lượng Acid Uric trong máu Kỹ thuật định lượng Bilirubin Toàn phần, trực tiếp trong máu Kỹ thuật định tính Hbsag, Hbeag, Giang mai, HCV, HEV bằng test nhanh trong máu								
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--

				Thực tập tốt nghiep	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ tổ chức hoạt động của Trung tâm Y tế và chức trách, nhiệm vụ của người kỹ thuật viên cao đẳng xét nghiệm tại cơ sở thực tập. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người xét nghiệm viên tại các khoa xét nghiệm Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản Thực hiện vận hành, sử dụng, bảo quản các trang thiết bị xét nghiệm Nhận xét hoặc ghi kết quả xét nghiệm chính xác và trả lời đúng thời gian quy định Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám chữa bệnh tại bệnh viện Tham gia trực .	Khoa Xét nghiem	5	75	0	0	0	75
--	--	--	--	---------------------------	--	-----------------------	---	----	---	---	---	----

Phụ lục I - Bảng 5
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
CAO ĐẲNG DƯỢC

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720201	Cao đẳng	Dược	Quản lý tồn trữ thuốc	Nguyên tắc tồn trữ và quản lý kho dược, Quy định Bảo quản tốt thuốc, Bảo quản thuốc, Bảo quản dụng cụ y tế	Khoa Dược-Vật tư, thiết bị y tế	4	60	0	0	0	60
				Dược lâm sàng	Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc tại khoa phòng lâm sàng bệnh viện	Khoa Dược-Vật tư, thiết bị y tế	4	60	0	0	0	60
				Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tại khoa Dược bệnh viện	Khoa Dược-Vật tư, thiết bị y tế	4	60	0	0	0	60

Phụ lục II – Bảng 1
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/tín chỉ	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Văn Thức	Bác sĩ chuyên khoa I	Ngoại khoa	007332/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7	- Điều dưỡng cơ sở - Chăm sóc người bệnh ngoại khoa. - Thực tập điều dưỡng. - Quản lý Điều dưỡng. - Thực tế tốt nghiệp	Khoa Ngoại	37
2	Nguyễn Hữu Phước	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001596/KH-CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	15			
3	Nguyễn Duy Luân	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0006978/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	7			
4	Trần Thị Lệ Diễm	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001643/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	17			
5	Trương Hoài Phong	Bác sỹ chuyên khoa I	Y đa khoa /Y khoa	0001611/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản	24	Chăm sóc người bệnh sản phụ khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	25
6	Nguyễn Văn Lượm	Bác sỹ	Y đa khoa /Y khoa	007614/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	16			
7	Lê Thị Thu Thùy	Cử nhân Hộ sinh	Hộ sinh	0001576/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	28			
8	Trần Vũ Vân Anh	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Điều dưỡng phụ sản	0001577/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	18			

9	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Cử nhân Hộ sinh	Hộ sinh	0004270/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	10			
10	Trần Trương Danh Nghĩa	Bác sĩ chuyên khoa I	Y đa khoa /Y khoa	007888/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, HSCC-CD	5	- Điều dưỡng cơ sở - Chăm sóc người bệnh cấp cứu và tích cực. - Thực tập điều dưỡng. - Quản lý Điều dưỡng. - Thực tế tốt nghiệp.	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc	17
11	Đỗ Thị Phương Thảo	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0003445/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	12			
12	Trần Thị Kim Oanh	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001591/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	13			
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	000731/KH-GPHN	Điều dưỡng	13			
14	Trịnh Đỗ Trọng Tâm	Bác sĩ chuyên khoa I	Nội khoa	000137/KH-GPHN	Chuyên khoa Nội khoa	11	- Điều dưỡng cơ sở - Chăm sóc người bệnh Nội khoa. - Thực tập điều dưỡng. - Quản lý Điều dưỡng. - Thực tế tốt nghiệp.	Khoa Nội	70
15	Nguyễn Lê Phương Uyên	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001584/KH-CCHN	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV	22			
16	Lê Thị Mỹ Hiền	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001582/KH-CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	17			
17	Hà Thị Kim Tuyết	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001330/KH-GPHN	Điều dưỡng	11			
18	Đặng Thị Thu Khoang	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001593/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	16			
19	Phạm Thị Ngọc Hà	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001587/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	15			
20	Trần Gia Hân	Bác sĩ	Y học gia đình	000455/KH-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	4	- Điều dưỡng cơ sở - Chăm sóc người bệnh Nhi khoa.	Khoa Nhi	30
21	Lê Thị Thanh Nga	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001589/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	15			

22	Ngô Thị Thu Hồng	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001317/KH-GPHN	Điều dưỡng	15	- Thực tập điều dưỡng. - Quản lý Điều dưỡng. - Thực tế tốt nghiệp		
23	Trần Thị Xuân Hải	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	008637/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	17			
24	Lê Thị Thúy Ngân	Bác sĩ	Y học cổ truyền	008670/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5			
25	Phạm Thị Ngọc Diễm	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001580/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	16	Thực hành chăm sóc người bệnh cần PHCN - YHCT	Khoa Y học cổ truyền và PHCN	0
26	Lê Thị Thanh	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0003473/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	10			
27	Trương Đặng Thu Lê	Bác sỹ	Y đa khoa /Y khoa	0001543/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	16	TH Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt, TMH, RHM	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	35
28	Nguyễn Trịnh Yên Vi	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002338/KH-CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	19			
29	Lê Văn Thọ	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	005266/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	12			
30	Trần Ngọc Thông	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0003441/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	14	- Điều dưỡng cơ sở - Chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm - Thực tập điều dưỡng. - Quản lý Điều dưỡng. - Thực tế tốt nghiệp.	Khoa Truyền nhiễm	16
31	Phan Thị Phương Thoại	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	007087/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	3			
32	Nguyễn Trang Đài	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	007283KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	6			

Tổng cộng: 32 người

Phụ lục II – Bảng 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Hoài Hiệp	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0001609/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	14	- Điều dưỡng cơ sở - Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.	Khoa Ngoại	37
2	Nguyễn Hữu Phước	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001596/KH-CCHN	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV	15			
3	Nguyễn Duy Luân	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0006978/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	7			
4	Trần Thị Lê Diễm	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001643/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	17			
5	Trương Hoài Phong	Bác sỹ chuyên khoa I	Y đa khoa /Y khoa	0001611/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản	24	- Chăm sóc sơ sinh. - LS chăm sóc sức khỏe phụ nữ và thai nghén. -LS chăm sóc chuyển dạ đẻ thường -đẻ khó. - Chăm sóc sau đẻ. - DSKHHGD-	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	25
6	Nguyễn Văn Lượm	Bác sỹ	Y đa khoa /Y khoa	007614/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	16			
7	Lê Thị Thu Thùy	Cử nhân Hộ sinh	Hộ sinh	0001576/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	28			
8	Trần Vũ Văn Anh	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Điều dưỡng phụ sản	0001577/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	18			

9	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Cử nhân Hộ sinh	Hộ sinh	0004270/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	10	Phá thai an toàn. - Bệnh lý liên quan đến thai nghén. - Lâm sàng sản khoa - Quản lý điều dưỡng - Thực tập tốt nghiệp		
10	Lê Thị Hiếu	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0001610KH-CCHN Số:451/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Gây mê hồi sức	23	- Điều dưỡng cơ sở - Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc	17
11	Đỗ Thị Phương Thảo	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0003445/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	12			
12	Trần Thị Kim Oanh	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001591/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	13			
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	000731/KH-GPHN	Điều dưỡng	13			
14	Nguyễn Văn Lưu	Bác sĩ	Điều dưỡng	008394/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	14	- Điều dưỡng cơ sở - Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.	Khoa Nội	70
15	Nguyễn Lê Phương Uyên	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001584/KH-CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	22			
16	Lê Thị Mỹ Hiền	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001582/KH-CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	17			
17	Hà Thị Kim Tuyết	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001330/KH-GPHN	Điều dưỡng	11			
18	Đặng Thị Thu Khoang	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001593/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	16			

19	Phạm Thị Ngọc Hà	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001587/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	15			
20	Phan Thị Phương Thoại	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	007087/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	3			
21	Thái Sinh Viên	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	000573/KH-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	4	- Điều dưỡng cơ sở - Chăm sóc người bệnh Nhi khoa.	Khoa Nhi	30
22	Lê Thị Thanh Nga	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001589/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	15			
23	Ngô Thị Thu Hồng	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001317/KH-GPHN	Điều dưỡng	15			
24	Trần Thị Xuân Hải	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	008637/KH-CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	17			
25	Nguyễn Trang Đài	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	007283KH-CCHN	Thông tư số 26/2015BYT-BNV	6			

Tổng cộng: 25 người

Phụ lục II – Bảng 3
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG Y SĨ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đỗ Hữu Dũng	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học gia đình	0002336/KH-CCHN; 449/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản	29	- Lâm sàng Điều dưỡng cơ sở; - Lâm sàng ngoại khoa. - Thực tập tốt nghiệp	Khoa Ngoại	37
2	Đặng Văn Thúc	Bác sĩ chuyên khoa I	Ngoại khoa	007332/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7			
3	Lê Nguyễn Nhật Văn	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	005744/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	12			
	Đặng Hoài Hiệp	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0001609/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	14			
4	Nguyễn Thanh Phương	Bác sĩ chuyên khoa I	Ngoại khoa	008038/KH-CCHN; 136/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa ngoại	15			
5	Trương Hoài Phong	Bác sĩ chuyên khoa I	Y đa khoa /Y khoa	0001611/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản	24	- Lâm sàng sản phụ khoa. - Thực tập tốt nghiệp	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	25
6	Nguyễn Văn Lượm	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	007614/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	16			

7	Lê Văn Hồng	Bác sĩ CKI	Y học gia đình	0001610/KH-CCHN; 451/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp, siêu âm tim, siêu âm tổng quát.	25	- Lâm sàng Điều dưỡng cơ sở. - Lâm sàng Nội khoa - Lâm sàng cấp cứu-Hồi sức tích cực. - Thực tập tốt nghiệp	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc	17
8	Trần Trương Danh Nghĩa	Bác sĩ CKI	Hồi sức cấp cứu-Chống độc	007888/KH-CCHN; 590/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; chuyên khoa Hồi sức cấp cứu-Chống độc	7			
9	Lê Thị Hiếu	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0001610/KH-CCHN Số:451/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Gây mê hồi sức	23			
10	Hồ Thị Lợi	Bác sĩ CKI	Y học gia đình	0004239/KH-CCHN QĐ: 54/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	23			
11	Trịnh Đỗ Trọng Tâm	Bác sĩ CKI	Nội khoa	000137/KH-GPHN	Chuyên khoa Nội khoa	11	- Lâm sàng Điều dưỡng cơ sở; - Lâm sàng Nội khoa - Thực tập tốt nghiệp	Khoa Nội	70
12	Trần Ngọc Tiến	Bác sĩ CKI	Nội khoa	008483/KH-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội	9			
13	Cao Vĩnh Thường	Bác sĩ CKI	Nội khoa	007186/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	15			
14	Bùi Thị Tú Anh	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0003781/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	11			
15	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	001616/KH-GPHN	Y khoa	3			
16	Thái Sinh Viên	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	000573/KH-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	4	- Lâm sàng Điều dưỡng cơ sở; - Lâm sàng	Khoa Nhi	30
17	Trần Gia Hân	Bác sĩ	Y học gia đình	000455/KH-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	4			

18	Lê Đắc Lực	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	007606/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7	Nhi khoa. - Thực tập tốt nghiệp		
19	Lê Quang Thoại	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	005749/KH- CCHN; 501/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Phục hồi chức năng	11	Lâm sàng Y học cổ truyền.	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	0
20	Lê Thị Thúy Ngân	Bác sĩ	Y học cổ truyền	008670/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5			
21	Trịnh Tiến Khoa	Bác sĩ CKI	Y khoa /RHM	000488/KH- CCHN; 62/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt, nội khoa	39	Lâm sàng chuyên khoa RHM	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	35
22	Ngô Thị Xuân Hòa	Bác sỹ	Y đa khoa /Y khoa	007184/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	15	Lâm sàng chuyên khoa Mắt		
23	Trương Đăng Thu Lê	Bác sỹ	Y đa khoa /Y khoa	0001543/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	16	Lâm sàng chuyên khoa TMH		
24	Trần Ngọc Thông	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	0003441/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	14	- Lâm sàng Điều dưỡng cơ sở; - Lâm sàng Bệnh Truyền nhiễm. - Thực tập tốt nghiệp	Khoa Truyền nhiễm	16
25	Phan Trương Huyền Đan	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	004801/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5			
26	Trương Minh Vũ	Bác sĩ	Y đa khoa /Y khoa	005766/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5			

Tổng cộng: 26 người

Phụ lục II – Bảng 4
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Hữu Phước	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001596/KH -CCHN	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV	15	- Thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.	Khoa Ngoại	37
2	Nguyễn Duy Luân	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0006978/KH -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	7			
3	Trần Thị Lệ Diễm	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001643/KH -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	17			
4	Đỗ Thị Phương Thảo	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0003445/KH -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	12	- Thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.	Khoa Cấp cứu-Hội sức tích cực và Chống độc	17
5	Trần Thị Kim Oanh	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001591/KH -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	13			
6	Nguyễn Thị Thu Huyền	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	000731/KH- GPHN	Điều dưỡng	13			

7	Nguyễn Lê Phương Uyên	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001584/KH- -CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	22	- Thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.	Khoa Nội	70
8	Lê Thị Mỹ Hiền	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001582/KH- -CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV	17			
9	Hà Thị Kim Tuyết	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001330/KH- GPHN	Điều dưỡng	11			
10	Đặng Thị Thu Khoang	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001593/KH- -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	16			
11	Phạm Thị Ngọc Hà	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001587/KH- -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	15			
12	Phan Thị Phương Thoại	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	007087/KH- CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	3			
13	Lê Thị Thanh Nga	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001589/KH- -CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	15	- Thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.	Khoa Nhi	30
14	Ngô Thị Thu Hong	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	001317/KH- GPHN	Điều dưỡng	15			
15	Trần Thị Xuân Hải	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	008637/KH- CCHN	Thông tư số 26/2015 /TTLT-BYT-BNV	17			
16	Nguyễn Trang Đài	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng	007283KH- CCHN	Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV	6			

17	Ngô Lê Phương Thảo	Cử nhân Sinh học	Sinh học	004838/KH- CCHN	Chuyên khoa xét nghịệm	12	- Thực hành lâm sàng xét nghịệm. - Thực Tập Tốt nghiệp.	Khoa Xét nghịệm	0
18	Trần Thị Loan	Cử nhân xét nghịệm	Xét nghịệm y học	007415/KH- CCHN	Chuyên khoa xét nghịệm	14			
19	Lê Thị Diễm Úc	Cử nhân xét nghịệm	Xét nghịệm y học	0001571/KH -CCHN	Chuyên khoa xét nghịệm	17			
20	Nguyễn Thê Hân	Cử nhân xét nghịệm y học	Xét nghịệm y học	0001570/KH -CCHN	Chuyên khoa xét nghịệm	14			
21	Lưu Đặng Bảo Ngọc	Cử nhân xét nghịệm	Xét nghịệm y học	007405/KH- CCHN	Chuyên khoa xét nghịệm	8			

Tổng cộng: 21 người

Phụ lục II – Bảng 5
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/tín chỉ	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đỗ Hữu Thành	Thạc sĩ Dược	Dược	1239/CCHN-D-SYT-KH	Dược lâm sàng, Bán lẻ thuốc	21	- Quản lý tồn trữ thuốc. - Dược lâm sàng. - Thực tập tốt nghiệp.	Khoa Dược-VT, TBYT	0
2	Lương Thị Bích Trâm	Chuyên khoa I Dược	Dược	61/CCHN-D-SYT-KH	Dược lâm sàng, Bán lẻ thuốc	11			
3	Trần Thị Mỹ Ngọc	Chuyên khoa I Dược	Dược	392/KH-CCHND	Nhà thuốc, Quầy thuốc, Đại lý thuốc, Tủ thuốc của Trạm Y tế	19			
4	Đặng Thị Thanh Ánh	Dược sĩ Đại học	Dược	2659/CCHN-D-SYT-KH	Bán thuốc lẻ (Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc của Trạm Y tế)	19			

Tổng cộng: 04 người

Phụ lục III – Bảng 1
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
1	Phòng học	3
2	Máy tính (laptop)	3
3	Máy chiếu	3
4	Màn chiếu	3
5	Bảng viết lớn	3
6	Giường bệnh	230
7	Bộ đo huyết áp	22
8	Ống nghe	31

Phụ lục III – Bảng 2
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
1	Phòng học	3
2	Máy tính (laptop)	3
3	Máy chiếu	3
4	Màn chiếu	3
5	Bảng viết lớn	3
6	Giường bệnh	15
7	Phòng giao ban tại khoa phòng	1
8	Bộ đo huyết áp	22
9	Ống nghe	31
10	Phòng sanh	1
11	Phòng tư vấn	1

Phụ lục III – Bảng 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG Y SĨ ĐA KHOA

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
1	Phòng học	3
2	Máy tính (laptop)	3
3	Máy chiếu	3
4	Màn chiếu	3
5	Bảng viết lớn	3
6	Giường bệnh	230
7	Bộ đo huyết áp	22
8	Ống nghe	31

Phụ lục III – Bảng 4
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
1	Phòng học	3
2	Máy tính (laptop)	3
3	Máy chiếu	3
4	Màn chiếu	3
5	Bảng viết lớn	3
6	Hệ thống Real-time PCR (model Aria DX)	1
7	Kèm sinh thiết (FB-25k-1 Nhật)	1
8	Máy khuấy từ	2
9	Máy lắc	2
10	Máy ly tâm	5
11	Máy phân tích huyết học tự động	2
12	Máy phân tích nước tiểu	2
13	Máy phân tích sinh hóa bán tự động	2
14	Máy phân tích sinh hóa tự động	2
15	Máy xét nghiệm đông máu	1
16	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	1
17	Máy xét nghiệm miễn dịch bán tự động	1
18	Máy xét nghiệm điện giải	2
19	Tủ an toàn sinh học cấp 2	2
20	Tủ lạnh trữ máu 120 lít	1
21	Tủ đặt phản ứng PCR bán tự động	1
22	Bộ kit xét nghiệm nhanh nước tại hiện trường	2
23	Bộ test kiểm tra nhanh về an toàn vệ sinh thực phẩm (độc chất, lý hóa và vi sinh)	1
24	Bộ xét nghiệm côn trùng	1
25	Bộ xét nghiệm ký sinh trùng	1
26	Bộ xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao	1
27	Kính hiển vi	2

Phụ lục III – Bảng 5
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
CAO ĐẲNG CHUYÊN NGÀNH DƯỢC

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
1	Phòng học	3
2	Máy tính (laptop)	3
3	Máy chiếu	3
4	Màn chiếu	3
5	Bảng viết lớn	3
6	Phòng giao ban tại khoa phòng	1
7	Phòng thuốc đông y	1
8	Phòng sắc thuốc	1
9	Phòng lưu trữ thuốc và hóa chất	3
10	Phòng phát thuốc	2